

Số: 514 /BQL-VP

Quảng Ngãi, ngày 27 tháng 02 năm 2024

V/v triển khai thực hiện
Thông tư số 01/2024/TT-TTCTP
của Tổng Thanh tra Chính phủ

Kính gửi: Trưởng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ

Theo nội dung Công văn số 843/UBND-NC ngày 21/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc triển khai thực hiện Thông tư số 01/2024/TT-TTCTP của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng (sau đây gọi tắt là *Thông tư 01*). Thông tư này sẽ có hiệu lực thi hành từ ngày 05/3/2024 và thay thế Thông tư số 02/2021/TT-TTCTP ngày 22/3/2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng (PCTN) (*văn bản được gửi liên thông trên hệ thống iOffice*);

Để đảm bảo triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả chế độ báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh và Thông tư 01, Giám đốc Ban Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh chỉ đạo:

- Giao Văn phòng Ban làm đầu mối tổng hợp, tham mưu cho Lãnh đạo Ban báo cáo gửi Thanh tra tỉnh và UBND tỉnh theo quy định; đồng thời, có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, đôn đốc các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thực hiện báo cáo theo quy định của Thông tư 01 và công văn số 843/UBND-NC ngày 21/02/2024 của UBND tỉnh.

- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ Ban có trách nhiệm cung cấp số liệu báo cáo về tiếp nhận và xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, phản ánh (*theo các biểu mẫu đính kèm*) gửi về Văn phòng Ban (**chậm nhất là ngày 10 tháng cuối cùng của kỳ báo cáo quý**).

- Việc thực hiện chế độ báo cáo theo Thông tư 01 áp dụng từ kỳ báo cáo công tác Quý I năm 2024. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có vấn đề mới phát sinh, các phòng chuyên môn, nghiệp vụ phản ánh về Lãnh đạo Ban (qua Văn phòng Ban) để được hướng dẫn.

(*Nội dung Thông tư 01 và Công văn số 843/UBND-NC được đính kèm công văn này*)

Yêu cầu Trưởng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận: *lv*

- Như trên;
- Lãnh đạo Ban;
- Trang thông tin điện tử Ban;
- Lưu VT, VP.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Trung Tín

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN

Số liệu tính từ ngày đến.....ngày...../...../.....

(Kèm theo Báo cáo số: ngày.....tháng.....năm..... của

Tổng số đơn phải xử lý		Số đơn chưa xử lý (chuyên kỳ sau xử lý)	Số đơn đã xử lý	Đủ điều kiện xử lý		Phân loại đơn theo nội dung			Phân loại đơn theo tình trạng giải quyết				Kết quả xử lý đơn					Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn			
Kỳ trước chuyển sang	Tiếp nhận trong kỳ			Số đơn	Số vụ việc	Chiều nại	Tố cáo	Kiến nghị, phản ánh	Đã giải quyết	Chưa giải quyết xong	Tổng số	Chiều nại	Tố cáo	Kiến nghị, phản ánh	Tổng số	Hướng dẫn	Chuyển đơn		Đơn độc giải quyết		
1=2+3=4+5	2	3	4	5	6 = 8+9+10 =11+12+13+14	7	8	9	10	11	12	13	14=15+16+17	15	16	17	18=19+20+21	19	20	21	22

23. Ghi chú:

Hướng dẫn cách ghi biểu

- Đây là biểu tổng hợp về kết quả xử lý đơn chung (đơn KN, TC, KNPA), bao gồm đơn nhận được qua tiếp công dân và đơn nhận từ các nguồn khác (gửi qua dịch vụ chuyển phát, cơ quan khác chuyển, ...)
- Số liệu tại Biểu này là số liệu tổng hợp từ các biểu 02/XLD, 03/XLD, 04/XLD
- Cột (1) = Cột (2) + (3) + (4) + (5)
- Cột (4): Số đơn đã hoàn thành quy trình xem xét về điều kiện xử lý (kết quả cuối cùng: thụ lý giải quyết, lưu, hướng dẫn, chuyển ...) theo quy định; Cột (4) <= Cột (1)
- Cột (5): Số đơn chưa hoàn thành quy trình xem xét về điều kiện xử lý (chuyển kỳ sau xử lý) theo quy định;
- Cột (6) = Cột (8) + (9) + (10) = Cột (11) + (12) + (13) = Cột (14) + (18)
- Cột (7) = Cột (8) thuộc Biểu 02/XLD + Cột (8) thuộc Biểu 03/XLD + Cột (8) thuộc Biểu 04/XLD
- Từ Cột (8) trở đi là số liệu tổng hợp đối với các đơn đủ điều kiện xử lý (đã thông kê tại Cột (6))
- Cột (8): Số đơn khiếu nại đủ điều kiện xử lý = Cột (7) thuộc Biểu 02/XLD
- Cột (9) : Số đơn tố cáo đủ điều kiện xử lý = Cột (7) thuộc Biểu 03/XLD
- Cột (10): Số đơn kiến nghị, phản ánh đủ điều kiện xử lý = Cột (7) thuộc Biểu 04/XLD
- Cột (11), (12), (13): Phân loại đơn theo tình trạng giải quyết, khi tiếp nhận đơn thì vụ việc đã được cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết lần đầu (cột 11), nhiều lần (12) hoặc chưa giải quyết xong (13)
- Cột (12): Là số đơn cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã giải quyết từ 2 lần trở lên (giải quyết KN lần 2, giải quyết TC tiếp khi đã có kết luận nội dung TC lần đầu; giải quyết lần 2 trở lên đối với đơn KNPA)
- Cột (13): Số đơn chưa giải quyết xong, là số đơn công dân tiếp tục gửi đơn mới khi đơn gửi trước đó chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết hoặc đã thụ lý, giải quyết nhưng chưa hoàn thành việc giải quyết
- Cột (14) = (15) + (16) + (17) là tổng số đơn thuộc thẩm quyền giải quyết
- Cột (18) là tổng số đơn không thuộc thẩm quyền = Cột (19) + (20) + (21)
- Cột (22): Thông kê số vụ việc có văn bản đơn đốc hoặc chuyển đơn từ lần thứ 2 trở lên do chưa nhận được kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 23 (nếu có)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN KHIẾU NẠI

Số liệu tính từ ngày/...../..... đến.....ngày...../...../.....
 (Kèm theo Báo cáo số: ngàytháng.....năm..... của)

Tổng số đơn phải xử lý	Đơn đã xử lý			Đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc khiếu nại theo nội dung					Phân loại vụ việc khiếu nại theo tình trạng giải quyết				Kết quả xử lý đơn				Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn						
	Số đơn trước chuyển n sang kỳ	Số đơn tiếp nhận trong kỳ	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số vụ việc đơn	Lĩnh vực hành chính			Lĩnh vực Đảng, đoàn thể	Lĩnh vực khác	Đã được giải quyết		Chưa giải quyết xong	Vụ việc thuộc thẩm quyền		Vụ việc không thuộc thẩm quyền									
						Tổng	Đất đai, nhà cửa	Đặt, sai, nhà cửa			Khác	Tổng		Lần đầu	Lần 2	Tổng	Lần đầu	Lần 2		Tổng	Hướng dẫn	Đơn đốc giải quyết			
1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7	8	9= 10+11 +12	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20=21+ 22	21	22	23=24 +25	24	25	26

27. Ghi chú:

Hướng dẫn cách ghi biểu

- Đây là biểu chi tiết về kết quả xử lý đơn khiếu nại nhận được qua tiếp công dân và nhận từ các nguồn khác (gửi qua dịch vụ chuyển phát, cơ quan khác chuyển, ...)
- Số liệu tại Biểu này nằm trong số liệu tổng hợp tại Biểu 01/XLID
- Cột (1) = (2) + (3)
- Cột (4) = (5) + (6): Là tổng số đơn khiếu nại đã hoàn thành quy trình xử lý (ra kết quả cuối cùng) theo quy định, nêu tại các cột từ (20)-(25)
- Cột (7) = Cột (8) ở Biểu số 01/XLID
- Cột (8): Số vụ việc đủ điều kiện xử lý = (9) + (13) + (14) + (15) = (16) + (17) + (18) + (19) = (20) + (23)
- Từ Cột (9) trở đi là số liệu tổng hợp đối với các vụ việc khiếu nại đủ điều kiện xử lý (thông kê tại Cột (8))
- Cột (10) Chế độ, chính sách như: việc thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động, người có công, ...
- Cột (11) Đất đai, nhà cửa như: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, cấp giấy chứng nhận QSDT, thu hồi, đòi đất, nhà, ...
- Cột (13) Lĩnh vực tư pháp như: Điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, ...
- Cột (14) Lĩnh vực Đảng, đoàn thể như: liên quan đến vi phạm điều lệ, kỷ luật Đảng, đoàn thể ...
- Cột (16): đã có quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của cơ quan có thẩm quyền
- Cột (17): đã có quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 của cơ quan có thẩm quyền
- Cột (19): Số vụ việc khiếu nại công dân gửi đơn lần đầu hoặc đã gửi đơn nhưng chưa được giải quyết, đang giải quyết (chưa hoàn thành việc giải quyết)
- Cột (20) = (21) + (22)
- Cột (21): Số vụ việc khiếu nại lần đầu thuộc thẩm quyền giải quyết
- Cột (22): Số vụ việc khiếu nại lần hai thuộc thẩm quyền giải quyết
- Cột (23) = (24) + (25)
- Cột (26): Thống kê số vụ việc có văn bản đơn đốc hoặc chuyển đơn từ lần thứ 2 trở lên do chưa nhận được kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 27 (nếu có)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ, GIẢI QUYẾT ĐƠN KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH

Số liệu tính từ ngày .../.../.... đến ...ngày.../.../....
(Kèm theo Báo cáo số: ngày tháng năm ... của)

Tổng số đơn phải xử lý		Đơn đã xem xét về điều kiện xử lý			Đơn đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc theo nội dung				Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết			Kết quả xử lý đơn			Kết quả giải quyết vụ việc thuộc thẩm quyền		
Tổng số đơn	Số đơn tiếp nhận kỳ	Số đơn trước chuyển sang	Đơn đã xem xét về điều kiện xử lý		Số đơn	Số vụ việc	Chế độ, chính sách	Đất đai	Tur pháp	Khác	Chưa được giải quyết	Đã được giải quyết	Vụ việc thuộc thẩm quyền	Vụ việc không thuộc thẩm quyền		Đơn đốc giải quyết	Số vụ việc đã giải quyết	Số vụ việc chưa giải quyết	
			Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ										Tổng số	Chuyển đơn				
1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7	8=9+10+11+12=13+14=15+18	9	10	11	12	13	14	15	16=17+18	17	18	19	20

21. Ghi chú:

Hướng dẫn cách ghi biểu

- Đây là biểu chi tiết về kết quả xử lý đơn KN, PA nhận được qua tiếp công dân và nhận từ các nguồn khác (gửi qua dịch vụ chuyển phát, cơ quan khác chuyển,...)
- Số liệu tại Biểu này nằm trong số liệu tổng hợp tại Biểu 01/XL.LD
- Cột (1) = Cột (2) + (3)
- Cột (4) = Cột (5) + (6): Là tổng số đơn KN, PA đã được xem xét về điều kiện xử lý (đủ hay không đủ điều kiện xử lý)
- Cột (7) = Cột (13) ở Biểu 01/XL.LD
- Cột (8) = Cột (9) + (10) + (11) + (12) = Cột (13) + (14) = Cột (15) + (18)
- Từ Cột (9) trở đi là số liệu tổng hợp đối với các vụ việc KN, PA đủ điều kiện xử lý (thống kê tại Cột (8))
- Cột (13): Khi tiếp nhận đơn, vụ việc đã được cơ quan có thẩm quyền giải quyết và có kết luận, trả lời người KN, PA
- Cột (14): Khi tiếp nhận đơn, vụ việc chưa được giải quyết hoặc đã được thụ lý, giải quyết nhưng chưa hoàn thành việc giải quyết KN, PA
- Cột (15): Tổng số vụ việc KN, PA thuộc thẩm quyền giải quyết
- Cột (16): Tổng số vụ việc KN, PA không thuộc thẩm quyền giải quyết
- Cột (17): Tổng số vụ việc KN, PA không thuộc thẩm quyền có văn bản chuyển đơn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết
- Cột (18): Thống kê số vụ việc có văn bản đơn đốc hoặc chuyển đơn từ lần thứ 2 trở lên do chưa nhận được kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền
- Cột (19): Tổng số vụ việc KN, PA thuộc thẩm quyền (thống kê tại cột 15) đã được giải quyết và có kết luận, trả lời người KN, PA trong kỳ báo cáo
- Cột (20): Tổng số vụ việc KN, PA thuộc thẩm quyền (thống kê tại cột 15) đang được giải quyết hoặc chưa được giải quyết
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 21 (nếu có)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN TỐ CÁO

Số liệu tính từ ngày .../.../... đến...ngày.../.../...
(Kèm theo Báo cáo số: ngày tháng năm của)

Tổng số đơn phải xử lý		Đơn đã xử lý		Đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc tố cáo theo nội dung						Phân loại vụ việc tố cáo theo tình trạng giải quyết				Kết quả xử lý đơn				Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn						
Tổng số	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Đơn trước chuyển sang kỳ	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Lĩnh vực hành chính				Tham nhũng	Lĩnh vực Đảng, Đoàn thể	Lĩnh vực Khác	Tố cáo tiếp		Vụ việc thuộc thẩm quyền		Vụ việc không thuộc thẩm quyền									
						Tổng cộng	Chế độ, chính sách	Đất đai, nhà cửa	Công chức, công vụ				Khác	Quá thời hạn chưa giải quyết	Đã có kết luận giải quyết	Tổng số lần đầu	Tố cáo tiếp	Tổng số	Chuyển đơn	Đơn đốc giải quyết						
1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7	8=9+1 4+15+ 16+17 = 1+12+1 3	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21=22+ 23	22	23	24=25 +26	25	26	27	

28. Ghi chú:

Hướng dẫn cách ghi biểu

- Đây là biểu chi tiết về kết quả xử lý đơn tố cáo, bao gồm đơn tố cáo nhận được qua tiếp công dân và nhận từ các nguồn khác
- Số liệu tại Biểu này nằm trong số liệu tổng hợp tại Biểu 01/XLD
- Cột (1) = Cột (2) + (3).
- Cột (4) = (5) + (6): Là tổng số đơn tố cáo đã hoàn thành quy trình xử lý (ra kết quả cuối cùng) theo quy định, nêu tại các cột từ (21)-(26)
- Cột (7) = Cột (9) ở Biểu 01/XLD
- Cột (8) = (9) + (14) + (15) + (16) + (17) = (18) + (19) + (20) = (21) + (24)
- Từ Cột (9) trở đi là số liệu tổng hợp đối với các vụ việc tố cáo đủ điều kiện xử lý (thống kê tại Cột (8))
- Cột (10) Chế độ, chính sách như: việc thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động, người có công,...
- Cột (11) Đất đai, nhà cửa như: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, cấp giấy chứng nhận QSDT, thu hồi, đổi đất, nhà,...
- Cột (15) Lĩnh vực tư pháp như: Điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án,...
- Cột (16) Lĩnh vực Đảng, đoàn thể như: liên quan đến vi phạm điều lệ, kỷ luật Đảng, Đoàn thể,...
- Cột (20): Số vụ việc tố cáo công dân gửi đơn lần đầu hoặc đã gửi đơn nhưng chưa được giải quyết, đang giải quyết (chưa hoàn thành việc giải quyết)
- Cột (21) = Cột (22) + (23)
- Cột (24) = Cột (25) + (26)
- Cột (27): Thông kê số vụ việc có văn bản đơn đốc hoặc chuyển đơn từ lần thứ 2 trở lên do chưa nhận được kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 28 (nếu có)